

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2025

Số: /QĐ-CQLMHTXVN

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán chi NSNN quý 2 năm 2025
của Văn Phòng Liên minh Hợp tác xã Việt Nam**

CHỦ TỊCH LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

*Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-TTg ngày 23/07/2021 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Điều lệ Liên minh hợp tác xã Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính
Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính
hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách
Nhà nước, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;*

*Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-TT ngày 24/12/2024 của Thường trực
Liên minh HTX Việt Nam về việc phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước
năm 2025 cho Văn phòng Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;*

*Căn cứ tình hình thực hiện dự toán NSNN quý 2/2025 của Văn Phòng
Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;*

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Liên minh Hợp tác xã Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán NSNN quý 2 năm 2025
của Văn Phòng Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Liên minh hợp tác xã Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. *lsh*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực LMHTXVN;
- Công TTTĐ LMHTXVN;
- Lưu: VT *lsh*

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Hồng Thái

CƠ QUAN LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM
VĂN PHÒNG

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CQLMHTXVN ngày / /2025 của Cơ quan Liên minh HTX Việt Nam)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Văn phòng Liên minh Hợp tác xã Việt Nam công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 năm 2025 như sau:

Nội dung	Dự toán được chuyển nguồn từ năm 2024 sang năm 2025	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý 2 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Tổng kinh phí ngân sách	5,481,553,989	41,126,000,000	16,241,123,568	35%	
I. Tổng dự toán chi thường xuyên (không bao gồm chi các CTMTQT)	1,885,500,000	38,626,000,000	16,200,033,328	41.94%	
1. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH		34,650,000,000	15,602,875,568	45.03%	
Loại 340 - 362		34,050,000,000	15,013,322,325	44.09%	
1.1. Kinh phí không thực hiện tự chủ:		34,050,000,000	15,013,322,325	44.09%	
1.1.1. Lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp	1,885,500,000	16,013,000,000	8,921,426,670	49.84%	
1.1.2. Chi khen thưởng		1,160,000,000	0	0.00%	
1.1.3. Chi theo định mức phân bổ 100 định biên x 70 triệu/định biên		6,930,000,000	5,502,914,472	79.41%	
1.1.4. Các nhiệm vụ đặc thù:		9,947,000,000	588,981,183	5.92%	
Khen thưởng tập thể, cá nhân HTX kiểu mới		500,000,000	161,232,000	32.25%	

Nội dung	Dự toán được chuyển nguồn từ năm 2024 sang năm 2025	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý 2 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Tuyên truyền phát triển kinh tế tập thể		500,000,000	0	0.00%	
Hội nghị Ban Chấp hành, Ban TV		1,000,000,000	427,749,183	42.77%	
Tập huấn nghiệp vụ phong trào		2,147,000,000	0	0.00%	
Kinh phí đại hội Liên minh HTX Việt Nam khóa VII		2,800,000,000	0	0.00%	
Kinh phí sửa chữa		3,000,000,000	0	0.00%	
Loại 340 - 368		600,000,000	589,553,243	98.26%	
1.2. Kinh phí không thực hiện tự chủ:		600,000,000	589,553,243	98.26%	
Đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế		600,000,000	589,553,243	98.26%	
2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 100		1,350,000,000	0	0.00%	
Loại 100 - 103: Khoa học công nghệ khác		250,000,000	0	0.00%	
2.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:		250,000,000	0	0.00%	
- Kinh phí Quản lý khoa học		250,000,000	0	0.00%	
Loại 100 - 102: Khoa học xã hội và nhân văn		1,100,000,000	0	0.00%	
2.2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, gồm:		1,100,000,000	0	0.00%	
Nghiên cứu đánh giá rủi ro hoạt động và đề xuất áp dụng hệ thống rủi ro phù hợp cho các hợp tác xã		300,000,000	0	0.00%	
Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tư vấn phát triển hợp tác xã		400,000,000	0	0.00%	

Nội dung	Dự toán được chuyển nguồn từ năm 2024 sang năm 2025	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý 2 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích thành viên của hệ thống Liên minh HTX Việt Nam		400,000,000	0	0.00%	
3. SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG		300,000,000	286,557,760	95.52%	
Loại 250 - 278		300,000,000	286,557,760	95.52%	
3.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:		300,000,000	286,557,760	95.52%	
- Nhiệm vụ: Tập huấn, tuyên truyền về môi trường và bảo vệ môi trường cho cán bộ, thành viên HTX		300,000,000	286,557,760	95.52%	
4. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ 280		2,326,000,000	310,600,000	13.35%	
4.1. Loại 280 - 332: Điều tra, khảo sát		400,000,000	0		
4.1.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:		400,000,000	0		
Điều tra sự hài lòng cấp tỉnh của HTX		400,000,000	0	0.00%	
4.2. Loại 280 - 338: Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác		1,926,000,000	310,600,000	16.13%	
4.2.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:		1,926,000,000	310,600,000	16.13%	
- Kinh phí tuyên truyền phát triển kinh tế hợp tác, HTX		1,926,000,000	310,600,000	16.13%	
II. Tổng kinh phí thực hiện các chương trình MTQG	3,596,053,989	2,500,000,000	41,090,240	1.14%	
- Loại 280-338 CTMTQG xây dựng nông thôn mới: (mã 0490-0502)	172,988,600	2,500,000,000	0	0.00%	

Nội dung	Dự toán được chuyển nguồn từ năm 2024 sang năm 2025	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý 2 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
- Loại 160-171 CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (mã 0510-0521)	982,000,000	0	0	0.00%	
- Loại 280-338 CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (mã 0510-0521)	254,648,602	0	0	0.00%	
- Loại 160-171 CTMTQG giảm nghèo bền vững (mã CTMTQG 0470-0476)	800,000,000	0	0	0.00%	
- Loại 070-098 CTMTQG giảm nghèo bền vững (mã CTMTQG 0470-0477)	1,386,416,787	0	41,090,240	2.96%	